

Số: **10** /NQ-HĐT

Hải Dương, ngày 10 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ
giai đoạn 2021 - 2025**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Quyết định số 2498/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2021 - 2025 (*Kế hoạch chiến lược đính kèm*).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

TS. Nguyễn Trọng Các

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	6
PHẦN I: MỞ ĐẦU	7
I. THÔNG TIN CHUNG	7
II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	7
PHẦN II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2016-2020	9
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020	9
1. Tình hình quốc tế	9
2. Tình hình trong nước.....	9
3. Trường Đại học Sao Đỏ	10
3.1. Thuận lợi	10
3.2. Khó khăn	10
II. NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY	11
1. Nguồn lực	11
2. Tổ chức bộ máy	11
III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....	12
1. Tuyển sinh.....	12
2. Hoạt động đào tạo	12
3. Quản lý đảm bảo chất lượng.....	15
4. Phát triển giảng viên	16
5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	17
5.1. Công tác nghiên cứu khoa học	17
5.2. Hoạt động sáng kiến, sáng tạo khoa học và chuyển giao công nghệ	19
5.3. Tổ chức hội nghị, hội thảo và xuất bản tạp chí, sách giáo trình, sách chuyên khảo.....	19
5.4. Hợp tác quốc tế	19
6. Tổ chức và quản lý	20
7. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.....	21
7.1. Thực trạng cơ sở vật chất nhà trường	21
7.2. Xây dựng cơ bản	23
7.3. Mua sắm trang thiết bị.....	23
8. Tài chính	24
9. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho viên chức và sinh viên.....	24
9.1. Đối với viên chức	24

9.2. Đối với sinh viên	24
IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	25
1. Đánh giá chung.....	25
2. Bài học kinh nghiệm	26
2.1. Tinh thần đoàn kết.....	26
2.2. Tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần vượt khó vươn lên	26
2.3. Tinh thần thi đua “Dạy tốt - Học tốt”	26
2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên	27
2.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên.....	27
PHẦN III: KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2021-2025.....	28
A. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC.....	28
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG	29
1. Triết lý giáo dục.....	29
2. Sứ mạng 2025:	29
3. Tầm nhìn 2030:.....	29
4. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021 - 2025	29
C. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025	30
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025.....	30
1. Tình hình quốc tế	30
2. Tình hình trong nước.....	30
3. Cơ hội và thách thức đối với Trường Đại học Sao Đỏ.....	31
3.1. Cơ hội	31
3.2. Thách thức.....	33
II. MỤC TIÊU CHUNG	33
III. MỤC TIÊU CỤ THỂ	34
1. Chiến lược phát triển đào tạo	34
1.1. Mục tiêu	34
1.2. Chỉ tiêu	34
1.3. Giải pháp thực hiện	34
2. Chiến lược phát triển về đảm bảo chất lượng	36
2.1. Mục tiêu	36
2.2. Chỉ tiêu	36
2.3. Giải pháp thực hiện	36
3. Chiến lược phát triển đội ngũ	37

3.1. Mục tiêu	37
3.2. Chỉ tiêu	37
3.3. Giải pháp thực hiện	37
4. Chiến lược về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	38
4.1. Mục tiêu	38
4.2. Chỉ tiêu	38
4.3. Giải pháp thực hiện	39
5. Chiến lược phát triển công tác tổ chức và quản lý	40
5.1. Mục tiêu	40
5.2. Chỉ tiêu	40
5.3. Giải pháp thực hiện	40
6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất	41
6.1. Mục tiêu	41
6.2. Chỉ tiêu	41
6.3. Giải pháp thực hiện	42
7. Chiến lược về công tác tài chính	42
7.1. Mục tiêu	42
7.2. Chỉ tiêu	42
7.3. Giải pháp thực hiện	43
8. Chiến lược về người học	44
8.1. Mục tiêu	44
8.2. Chỉ tiêu	44
8.3. Giải pháp thực hiện	44
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	45

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
AEC	Cộng đồng kinh tế các quốc gia Đông nam Á
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông nam Á
CNC	Điều khiển bằng máy tính
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
FTA	Hiệp định Thương mại tự do
GCNĐKHD- SLDTBXH	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động - Sở Lao động Thương binh và Xã hội
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GP-BTTTT	Giấy phép - Bộ Thông tin và Truyền thông
GV	Giảng viên
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
NQ/TW	Nghị quyết/Trung ương
PMT-EMS Education	Hệ thống quản lý hoạt động đào tạo
QĐ/TU	Quyết định/Thành ủy
QĐ-BCT	Quyết định - Bộ Công Thương
QĐ-KĐCLGD	Quyết định - Kiểm định chất lượng giáo dục
QĐ-KTNN	Quyết định - Kiểm toán nhà nước
QĐ-TTg	Quyết định - Thủ tướng
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
SCADA	Hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu
SDU	Sao Do University - Trường Đại học Sao Đỏ
SDU E-LEARNING	Cổng thông tin học tập trực tuyến
SV	Sinh viên
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

Chữ viết tắt	Diễn giải
TT-BGDĐT	Thông tư - Bộ Giáo dục Đào tạo
UBND	Ủy ban nhân dân
USD	Đồng đô la Mỹ
VIFOTEC	Quỹ hỗ trợ Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam
XS	Xuất sắc

TR
DA
SA

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

TT	Tên bảng	Trang
Bảng 1	Sinh viên nhập học và quy mô đào tạo	12
Bảng 2	Kết quả học tập, rèn luyện và tỷ lệ việc làm của sinh viên	14
Bảng 3	Kết quả thi sinh viên giỏi các năm	15
Bảng 4	Thống kê trình độ giảng viên các năm	16
Bảng 5	Kết quả bồi dưỡng giảng viên các năm	17
Bảng 6	Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ các cấp	18
Bảng 7	Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở	18
Bảng 8	Tổng hợp công tác cán bộ các năm	20
Bảng 9	Tổng hợp nguồn thu các năm	24

==
S
T
O
★
==

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐT, ngày 10 tháng 9 năm 2021)

PHẦN I
MỞ ĐẦU

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: **Trường Đại học Sao Đỏ**
- Tên tiếng Anh: **Sao Do University (SDU)**

2. Địa chỉ liên hệ

- Địa điểm đào tạo số 1: Số 24, phố Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Địa điểm đào tạo số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203.882.269 Fax: 02203.882.921
- Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ¹.

Tổng diện tích 02 địa điểm đào tạo là 25,7 ha, gồm 69 phòng học lý thuyết, 84 phòng thực hành, thực nghiệm với tổng diện tích sử dụng 11.820 m², 03 phòng thi trắc nghiệm, 05 phòng học ngoại ngữ được trang bị hệ thống thiết bị mới hiện đại. Các phòng học đều được trang bị màn hình tinh thể lỏng 65÷70 inch phục vụ học tập và giảng dạy. 100% phòng học lý thuyết được lắp đặt điều hòa nhiệt độ. Hệ thống camera truyền dữ liệu về phòng điều khiển trung tâm

¹ Ngày 15/5/1969, Trường Công nhân Mỏ được thành lập theo Quyết định số 816-QĐ/TC2 của Bộ Công nghiệp nặng Ngày 13/3/2001, trường được nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Cơ điện theo Quyết định số 13/2021/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Ngày 04/10/2004, trường được nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ theo Quyết định số 5738/QĐ-BGD&ĐT-TCCB của Bộ Giáo dục và Đào tạo

phục vụ cho công tác quản lý đào tạo. Trang thiết bị phục vụ đào tạo tại các Trung tâm thực hành, thực nghiệm trong những năm gần đây được trang bị theo hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017, được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam đánh giá công nhận theo Quyết định số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017.

Trải qua 52 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng 26 Huân chương các loại (trong đó có 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất; 01 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba), Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua; Tỉnh ủy Hải Dương tặng Cờ cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; Giải thưởng “Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam”, VIFOTEC.

Nhà trường phát triển theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm phát triển các ngành kỹ thuật truyền thống để trở thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động *"sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ Tư"*.

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Tình hình quốc tế

Năm 2015, khu vực Đông nam Á đã hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community-AEC). Thị trường lao động khu vực, quốc tế có sự gắn kết và hội nhập ngày một sâu rộng. Giáo dục và đào tạo ở các nước phải thực hiện tốt bài toán nâng cao chất lượng, chuẩn hóa chương trình để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong thời đại toàn cầu hóa và công dân toàn cầu “toàn cầu hóa về kinh tế và hội nhập về giáo dục đã và đang trở thành xu thế tất yếu”².

Kinh tế tri thức đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ nhất là mạng xã hội đã tạo nên sự giao lưu, gắn kết giữa mọi người dân trên thế giới một cách thuận lợi.

Các quốc gia đều nhận thức được vai trò và vị trí hàng đầu của giáo dục và đã tiến hành đổi mới giáo dục, để đáp ứng một cách năng động hơn, hiệu quả hơn, trực tiếp hơn những nhu cầu của sự phát triển của Quốc gia, dân tộc.

2. Tình hình trong nước

Sau hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã gặt hái được những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội... GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020.

Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày một nâng cao. Năm 2019, Việt Nam đã có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia của Liên hợp quốc; có quan hệ kinh tế - thương mại và đầu tư với trên 220 nước và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới; Đến năm 2020, Việt Nam đã ký 15 Hiệp định FTA (năm 2020 Việt Nam đã phê chuẩn và triển khai có hiệu quả EVFTA; tham gia ký Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và ký Hiệp định FTA Việt Nam - Anh; có 16 đối tác chiến lược, 11 đối tác chiến lược toàn diện; tham gia hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực; có 71 nước

²Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục năm 2011-2020”, tr 6

đã công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường... lần thứ 2 Đại hội đồng Liên hợp quốc đã bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020-2021.

Nghị quyết 29-NQ/TW khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Do đó, giáo dục đại học đang từng bước được tổ chức lại theo xu hướng của giáo dục quốc tế. Các trường đại học xác định mục tiêu phát triển, định hướng hoạt động theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Tự chủ đại học được quan tâm, tạo điều kiện để các trường chủ động trong đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế, liên kết với doanh nghiệp.

Sự cạnh tranh ngày một gay gắt giữa các cơ sở giáo dục đại học không chỉ về cung cấp dịch vụ đào tạo, dịch vụ khoa học mà còn cạnh tranh trong công tác tuyển sinh.

Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đòi hỏi ngày càng tăng, năm 2015 là 41%, năm 2020 đã đạt 62 %.

3. Trường Đại học Sao Đỏ

3.1. Thuận lợi

Trong quá trình hoạt động, Trường Đại học Sao Đỏ luôn được đón nhận sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hải Dương, Thành ủy, UBND thành phố Chí Linh.

Nhà trường có bề dày truyền thống đào tạo, nhất là trong lĩnh vực kỹ thuật. Đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng được yêu cầu của giáo dục đại học.

Cơ sở vật chất đáp ứng tốt cho quá trình đào tạo và phục vụ đào tạo.

Chuyển đổi hiệu quả từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ.

Trường Đại học Sao Đỏ là một trong 50 trường đại học đầu tiên trong cả nước được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt chuẩn (tính tại thời điểm tháng 7/2017).

Khối đại đoàn kết của tập thể sư phạm nhà trường luôn được giữ vững.

3.2. Khó khăn

Quy mô đào tạo có sự sụt giảm do từ năm 2017 trường không đào tạo bậc Trung cấp, năm 2020 không đào tạo bậc Cao đẳng.

Năng lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế chưa khai thác hết tiềm năng sẵn có của Nhà trường.

Nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp ngày càng giảm.

Bối cảnh quốc tế và trong nước đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2016-2020. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ủy, sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban Giám hiệu, sự đồng lòng nhất trí của cả tập thể sư phạm nhà trường, Trường Đại học Sao Đỏ đã đạt được những thắng lợi trên các lĩnh vực.

II. NGUỒN LỰC VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Nguồn lực

Kết thúc năm 2020, nhà trường có 254 viên chức (giảm 96 người so với năm 2016), trong đó, giảng viên: 164, viên chức phục vụ 43. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 16,5%.

2. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của nhà trường như sau:

1) Đảng ủy: Gồm 11 đồng chí trúng cử tại Đại hội Đảng bộ nhà trường lần thứ X nhiệm kỳ 2020-2025 và được Thành ủy Chí Linh chuẩn y tại Quyết định số 1315-QĐ/TU ngày 31 tháng 3 năm 2020.

2) Hội đồng trường: Gồm 15 đồng chí được thành lập và công nhận theo Quyết định số 2498/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương.

3) Ban Giám hiệu: Có 03 đồng chí, gồm Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng (theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, nhà trường được biên chế 03 Phó Hiệu trưởng).

4) Các phòng chức năng gồm 9 phòng: Quản lý đào tạo; Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Quản lý chất lượng; Tuyển sinh; Công tác sinh viên; Tổ chức - Hành chính; Tài chính - Kế toán; Kế hoạch và Đầu tư; Quản trị.

5) Các khoa gồm 10 khoa: Điện; Cơ khí; Ô tô; Công nghệ thông tin; May và Thời trang; Du lịch và Ngoại ngữ; Kinh tế; Thực phẩm và Hóa học; Khoa học cơ bản; Giáo dục chính trị và thể chất.

6) Các tổ chức khoa học, dịch vụ và phục vụ gồm: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Sao Đỏ (được thành lập theo Quyết định số 4539/QĐ-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương); Trạm Y tế; Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ (hoạt động theo Giấy phép số 1003/GP-BTTTT ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện đang thực hiện hoàn thiện hồ sơ tính điểm tạp chí cho 02 liên ngành).

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Tuyển sinh

Giai đoạn 2016-2020, công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, quy chế tuyển sinh không ổn định, công tác tiếp cận, tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho thí sinh gặp nhiều khó khăn, thí sinh có nhiều nguyện vọng học dẫn đến tỷ lệ hồ sơ ảo cao.

Thực hiện tự chủ trong công tác tuyển sinh, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh theo từng năm học, đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh, xây dựng các tiêu chí xét tuyển để nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học đăng ký xét tuyển và tham gia học tập tại trường.

Công tác truyền thông được Nhà trường triển khai đồng bộ, thông qua các hoạt động tư vấn tuyển sinh, văn hóa, văn nghệ, các hoạt động khoa học công nghệ... Nhà trường được người học, xã hội ghi nhận, đánh giá cao, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác tuyển sinh, kết quả tuyển sinh các năm như sau:

Bảng 1: Sinh viên nhập học và quy mô đào tạo

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số sinh viên nhập học	850	729	871	1.020	1.148
Quy mô	3.800	3.915	3980	4.090	4.200

Từ năm 2020, theo Luật Giáo dục đại học sửa đổi và Luật Giáo dục nghề nghiệp nhà trường không tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng. Trường chỉ tập trung tuyển sinh đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ.

2. Hoạt động đào tạo

Nhà trường đang tổ chức tuyển sinh và đào tạo 16 ngành trình độ đại học và 01 ngành trình độ thạc sĩ. Cụ thể như sau:

- Trình độ đào tạo đại học:

- (1) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử;
- (2) Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá;
- (3) Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông;
- (4) Công nghệ kỹ thuật cơ khí;
- (5) Kỹ thuật cơ điện tử;
- (6) Công nghệ kỹ thuật ô tô;

- (7) Công nghệ thông tin;
- (8) Kế toán;
- (9) Quản trị kinh doanh;
- (10) Ngôn ngữ Trung Quốc;
- (11) Ngôn ngữ Anh;
- (12) Việt Nam học;
- (13) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- (14) Công nghệ dệt, may;
- (15) Công nghệ thực phẩm;
- (16) Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Trình độ đào tạo thạc sĩ: Ngành Kỹ thuật điện tử.

- Chương trình đào tạo của Nhà trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh đảm bảo khối lượng kiến thức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 100% đề cương chi tiết học phần, giáo trình được cập nhật, bổ sung kiến thức phù hợp với yêu cầu thực tế chất lượng nguồn nhân lực trong nước và quốc tế.

- Từ năm học 2019-2020, nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo cấp văn bằng theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 và Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, nhà trường có 09 chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư, còn lại là cấp bằng cử nhân.

Ngoài các bậc đào tạo đại học và thạc sĩ, nhà trường có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Sao Đỏ (được thành lập theo Quyết định số 4539/QĐ-BCT ngày 05/12/2017 của Bộ Công Thương) hoạt động theo Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm được giao tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp với 18 nghề; tổ chức huấn luyện và cấp chứng chỉ an toàn, vệ sinh lao động hạng C (theo Giấy Chứng nhận số 21/GCNĐKHĐ-SLDTBXH ngày 01/3/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương và Giấy Chứng nhận số 02/2019/GCN ngày 25/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Giai đoạn 2016-2020, nhà trường áp dụng hệ thống quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) gồm 9 phân hệ:

- (1) Quản lý tuyển sinh (*đăng ký xét tuyển trực tuyến, thông tin nhập học*);
- (2) Quản lý quá trình đào tạo (*xếp thời khoá biểu, phân công giảng dạy, tính giờ giảng, cập nhật tính điểm cho sinh viên, quản lý sinh viên, kiểm soát lên lớp thông qua xác nhận vân tay và hệ thống camera...*);
- (3) Quản lý thi kết thúc học phần (*câu hỏi, đề thi, thi trắc nghiệm trên máy tính, tính điểm học phần, điểm tích lũy...*);

(4) Quản lý học vụ sinh viên (*đăng ký học phần, đăng ký giảng viên, thông tin về chương trình đào tạo, thời khoá biểu, sự hiện diện trên lớp, kết quả học tập và rèn luyện, học phí và các thông tin khác*);

(5) Quản lý học bổng;

(6) Quản lý tốt nghiệp, quản lý văn bằng (*điều kiện xét tốt nghiệp, thông tin sinh viên xét tốt nghiệp, loại bằng, số hiệu, số quyết định, ngày cấp, ...*);

(7) Quản lý nhân sự (*hồ sơ viên chức, tính tiền công, tiền lương, quản lý giảng viên thỉnh giảng*);

(8) Quản lý công việc (*lich làm việc, giao nhận công việc, sổ tay giảng viên, sổ tay nhân viên, sổ tay NCKH*);

(9) Quản lý tài chính (*sinh viên, viên chức giao dịch trực tuyến thông qua E-Mobile Banking, Internet banking...*).

Ngoài ra, nhằm tăng cường đánh giá quá trình học tập bằng các bài tập, thí nghiệm, thực hành, thực tập thực tế ngoài doanh nghiệp, nhà trường đã triển khai Công thông tin học tập trực tuyến (SDU E-LEARNING) để đổi mới hình thức, nội dung đào tạo, thi kết thúc học phần đảm bảo chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế diễn biến dịch Covid-19.

Công tác giới thiệu việc làm đáp ứng yêu cầu của người học và người sử dụng lao động luôn được quan tâm. Nhà trường đã ký kết hợp tác đào tạo, tiếp nhận nguồn nhân lực sau đào tạo với một số tập đoàn, doanh nghiệp tiêu biểu như: Tập đoàn Khoa học Kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Toyota Việt Nam, Công ty TNHH May Tinh Lợi, Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam, Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, Công ty Xi măng VICEM Hoàng Thạch, Tập đoàn An Phát Holdings,... Đây là những địa chỉ để sinh viên nhà trường tham gia quá trình trải nghiệm thực tế, thực tập, thực hành trong thời gian học tại trường và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2: Kết quả học tập, rèn luyện và tỷ lệ việc làm của sinh viên

Năm	Tốt nghiệp (%)		Kết quả xét điều kiện học tiếp (%)		Kết quả xếp loại rèn luyện (%)		Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp
	Toàn trường	XS, Giỏi, Khá	Toàn trường	XS, Giỏi, Khá	Đạt yêu cầu trở lên	XS, Tốt, Khá	
2016	98,07	84,72	99,98	63,08	100	86,3	91,72%
2017	96,06	82,43	100	62,61	100	92,2	90,99%
2018	92,50	73,33	100	66,09	100	94,7	88,94%
2019	91,24	48,64	100	61,10	100	93,2	89,55%
2020	95,46	78,83	100	54,12	100	90,6	91,96%

Đánh giá chung: Kết quả đào tạo, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường đạt trên 90% và được doanh nghiệp công nhận về chất lượng đào tạo. Tuy nhiên còn có sự bất cập trong tỷ lệ sinh viên học các ngành đào tạo, cụ thể: các ngành kỹ thuật sinh viên học tỷ lệ cao hoặc các ngành ngôn ngữ, du lịch và thực phẩm đang làm khó khăn cho nhà trường và là bài học để nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển ngành đào tạo trong giai đoạn 2021-2026, đáp ứng nhu cầu người học và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo của các doanh nghiệp, tránh lãng phí cho người học, nhà trường và xã hội.

3. Quản lý đảm bảo chất lượng

Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung quy định xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi và tổ chức thi các học phần. Trong 5 năm đã có 1.388 câu hỏi/bộ đề thi kết thúc học phần được biên soạn và nghiệm thu trong nhân hàng đề thi, kiểm tra, 35% các học phần thuộc chương trình đào tạo được kiểm tra đánh giá kết thúc bằng hình thức thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính.

Tổ chức thi sinh viên giỏi cấp trường theo hình thức đánh giá năng lực thực hiện; tham gia hội thi cấp Bộ và cấp Quốc gia, kết quả như sau:

Bảng 3: Kết quả thi sinh viên giỏi các năm

Năm	Số lượt sinh viên đạt sinh viên giỏi		
	Trường	Bộ Công Thương	Quốc gia
2016	275	08	07
2017	289	<i>Không tổ chức</i>	03
2018	173	04	03
2019	131	<i>Không tổ chức</i>	
2020	145		
Tổng số	1.013	12	13

Hằng năm, xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục định kỳ; báo cáo Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục.

Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015, tổ chức đánh giá nội bộ 02 lần/năm.

Định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như: nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, cán bộ viên chức, người học, người tốt nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường 01 lần/năm.

Năm 2017, nhà trường thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017.

Tháng 7 năm 2021, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo của 03 ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức dạy và học nhà trường duy trì nề nếp thanh tra hoạt động đào tạo thường xuyên, định kỳ với các nội dung như: mục tiêu, kế hoạch tiến độ, chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; việc thực hiện các quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng. Giải quyết kịp thời công việc liên quan đến khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập theo chế độ một cửa. 100% các yêu cầu khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập của người học được xử lý thỏa đáng, công khai, minh bạch và cập nhật vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng quy định.

4. Phát triển giảng viên

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác quy hoạch, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, chú trọng và thực hiện đúng quy trình công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định của Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ.

Số lượng giảng viên cơ hữu của trường như sau:

Bảng 4: Thống kê trình độ giảng viên các năm

Trình độ	Năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Tiến sĩ	15 (7,2%)	20 (10,5%)	19 (11,0%)	21 (12,6%)	27 (16,5%)
Tổng số	208	190	172	167	164

Nhằm nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, nhà trường đã thực hiện chế độ đãi ngộ đối với giảng viên có trình độ cao. Ngoài ra trong các năm học, nhà trường đều triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo điều kiện

thuận lợi nhất cho giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả cụ thể:

Bảng 5: Kết quả bồi dưỡng giảng viên các năm

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số chuyên đề	12	16	18	27	33
Số lượt giảng viên, chuyên viên được bồi dưỡng	137	191	163	213	273

- 27 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh (23 giảng viên làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài). Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng 10,4% so với năm 2016.

- 100% giảng viên, chuyên viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 1.242 lượt giảng viên với 117 chuyên đề.

- Bồi dưỡng lý luận chính trị cho 22 giảng viên, trong đó trình độ Trung cấp: 16, trình độ Cao cấp: 06.

- Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh trình độ đại học cho 63 giảng viên, bồi dưỡng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản và nâng cao cho 237 giảng viên và chuyên viên.

- Bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin, nghiệp vụ sư phạm cho 232 giảng viên, viên chức.

5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

5.1. Công tác nghiên cứu khoa học

Giai đoạn 2016-2020, nhà trường đã xây dựng các quy chế quản lý nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ. Thường xuyên cập nhật, đổi mới quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia.

Kết quả thực hiện đề tài các cấp như sau:

- Đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước:

Thực hiện 02 đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, trong đó:

+ 01 nhánh đề tài cấp Nhà nước trên cơ sở phối hợp với Tổng cục Đo lường - Tiêu chuẩn - Chất lượng Việt Nam năm 2016 với tổng kinh phí 2,8 tỷ đồng.

+ 01 dự án phát triển khoa học công nghệ do Quỹ đổi mới sáng tạo Vinif (Vingroup) tài trợ giai đoạn 2020-2022 với kinh phí 5,0 tỷ đồng.

- Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp Tỉnh: Thực hiện 16 đề tài khoa học công nghệ; trong đó có 12 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh. Cụ thể như sau:

Bảng 6: Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ các cấp

Năm	Đề tài cấp Bộ			Đề tài cấp Tỉnh		
	Đề xuất	Thực hiện	Kinh phí được cấp (triệu đồng)	Đề xuất	Thực hiện	Kinh phí được cấp (triệu đồng)
2016	8	3	320	6	0	0
2017	8	2	270	2	1	274
2018	8	4	550	3	1	426
2019	6	2	520	3	1	565
2020	6	1	600	2	1	298
Tổng	36	12	2.260	16	4	1.563

- Đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở: Thực hiện 215 đề tài; trong đó có 103 đề tài của giảng viên, chuyên viên và 112 đề tài của sinh viên. Cụ thể như sau:

Bảng 7: Tổng hợp đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở

Năm học	Số đề tài đề xuất	Số đề tài thực hiện	Đề tài của GV	Đề tài của SV	Tổng kinh phí (triệu đồng)
2015-2016	49	45	22	23	464,220
2016-2017	48	45	20	25	351,060
2017-2018	67	42	19	23	438,869
2018-2019	64	41	22	19	466,300
2019-2020	59	42	20	22	471,486
Tổng	287	215	103	112	2.191,935

Đánh giá kết quả: Trong 5 năm giai đoạn 2016-2020 nhà trường đã thực hiện 233 đề tài: cấp nhà nước 02 đề tài; cấp Tỉnh, Bộ 16 đề tài, cấp cơ sở 215 đề tài với số tiền 11,555 tỷ VNĐ. Tập trung vào các thế mạnh của Nhà trường thuộc các lĩnh vực: cơ khí, điều khiển và tự động hóa, điện tử, công nghệ thông tin... Các đề tài sau khi hoàn thành đã được chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh tế xã hội cao. Từ thực tế đó, trong 5 năm tới nhà trường sẽ tập trung đầu tư nguồn lực nghiên cứu đề tài thuộc các lĩnh vực thế mạnh của nhà trường với quy mô mở rộng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các vùng lân cận.

5.2. Hoạt động sáng kiến, sáng tạo khoa học và chuyển giao công nghệ

Trong 05 năm, đã có 363 sáng kiến được công nhận với tổng số tiền thưởng là 119,76 triệu đồng. Các sáng kiến đã được áp dụng vào đào tạo, đời sống, sản xuất mang lại hiệu quả tích cực góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, kỹ thuật, kinh tế, xã hội.

Từ năm 2006, nhà trường tiếp tục duy trì tham gia sân chơi Robocon do Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức. Giai đoạn 2016-2020 mỗi năm nhà trường đều có từ 6÷8 đội tham gia và có 02÷04 đội vào vòng chung kết toàn quốc (trong đó có 03 đội vào vòng 1/8 và 02 đội được trao giải thưởng “Ý tưởng”, “Thiết kế”). Năm 2019 có 01 đội đoạt giải Ba toàn quốc.

Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội thi Sáng tạo khoa học công nghệ và đã có từ 10÷12 công trình/giải pháp/năm được chuyển giao cho doanh nghiệp để ứng dụng vào thực tế sản xuất.

5.3. Tổ chức hội nghị, hội thảo và xuất bản tạp chí, sách giáo trình, sách chuyên khảo

Trung bình mỗi năm tổ chức 01÷02 hội thảo khoa học cấp trường, 10÷12 hội thảo khoa học cấp khoa. Duy trì mỗi quý trong năm có 16÷18 bài báo khoa học được tuyển chọn và công bố thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Công nghệ thông tin; Hoá học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hoá - Nghệ thuật - Thể dục thể thao trên tạp các tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus, tạp chí khoa học trong nước và tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ. Xuất bản 06 đầu sách phục vụ quá trình nghiên cứu và đào tạo; biên tập và phát hành 12.000 cuốn thông tin, ấn phẩm khoa học.

Ngoài ra, nhà trường có 02 sản phẩm (Nước uống tinh khiết FT-SDU; Logo của Trường Đại học Sao Đỏ) được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

5.4. Hợp tác quốc tế

Đã ký kết trên 50 biên bản hợp tác với các trường đại học, học viện, tập đoàn của nước ngoài như: Đại học Công nghệ Hoa Hạ - Đài Loan (Trung Quốc), Hiệp hội xúc tiến Internship Asean, Trường Đại học Bách khoa miền Nam Liên bang Nga, Trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Moscow - Liên bang Nga, Trường Đại học Kỹ thuật Lâm nghiệp Saint Petersburg - Liên bang Nga, Đại học Khoa học và Công nghệ Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Đại học Konyang - Hàn Quốc, Đại học Khoa học Mokpo - Hàn Quốc.

Tham gia dự án gắn kết AIG của Bộ Công thương và Bộ Ngoại giao Hàn Quốc, Học viện Nhật ngữ quốc tế Kobe - Nhật Bản, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA, Hiệp hội Văn hóa lễ nghi ứng xử Nhật Bản, Học viện ITESCIA - Cộng hòa Pháp,... Hiện nay, nhiều giảng viên và sinh viên của nhà trường tham gia chương trình trải nghiệm thực tế, nghiên cứu và thực tập tại Pháp, Đài Loan (Trung Quốc), Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

6. Tổ chức và quản lý

Trong quá trình vận hành, nhà trường đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống văn bản quản lý của trường cũng được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhằm phát huy hiệu quả công tác quản lý trong quá trình tổ chức hoạt động. Hoạt động quản lý của nhà trường công khai, minh bạch, đảm bảo tính dân chủ và dựa trên các kế hoạch chiến lược phát triển theo từng giai đoạn.

Trong giai đoạn 2016-2020, việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, bổ nhiệm, luân chuyển, giải quyết nghỉ chế độ, tuyển dụng, nâng lương, nâng hạng, đánh giá, phân loại chất lượng viên chức được thực hiện đúng quy định. Trong giai đoạn không có khiếu kiện về công tác nhân sự. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 8: Tổng hợp công tác cán bộ các năm

Nội dung	Đơn vị tính	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
Ban Giám hiệu	Người	04	04	04	03	03
Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc	Người	38	37	39	38	42
Bổ nhiệm, luân chuyển	Người	78	33	15	06	
Nghỉ hưu đúng tuổi	Người	05	01	03	01	01
Nghỉ theo Nghị định 108	Người	09	05	05	06	01
Nâng bậc lương thường xuyên	Người	123	89	86	93	...
Nâng bậc lương trước thời hạn	Người	11	9	5	19	...
Nâng lương vượt khung	Người	50	6	5	6	...
Bổ nhiệm ngạch lương	Người	7	73	0	85	...
Đánh giá, phân loại chất lượng viên chức	Người	359	325	295	275	263

Hoạt động giao ban quản lý tuần, giao ban đào tạo tháng, giao ban an ninh quý, tổ chức phân tích đánh giá hiệu quả công tác tháng của các đơn vị được duy trì và là cơ sở cho việc xếp loại thi đua.

Hằng năm tổ chức biên soạn mới, rà soát, hiệu chỉnh các quy chế, quy định nội bộ như: Quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý hoạt động đào tạo, quy chế đào tạo bậc thạc sĩ, đại học,... trên cơ sở các quy định và hướng dẫn của cấp trên.

7. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo

7.1. Thực trạng cơ sở vật chất nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ có 02 cơ sở đào tạo:

- Cơ sở I: Địa chỉ: Số 24, phố Thái Học 2, phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh. Tổng diện tích mặt bằng 48.534 m². Được giao quản lý và sử dụng từ năm 1969.

- Cơ sở II: Địa chỉ: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, TP. Chí Linh. Tổng diện tích mặt bằng 218.504 m². Được giao quản lý và sử dụng từ năm 2004.

Giai đoạn trước năm 2004, nhà trường chủ yếu đầu tư cơ sở vật chất tại cơ sở I. Các công trình được đầu tư bao gồm Nhà học lý thuyết; nhà làm việc; khu xưởng thực hành, thực nghiệm; khu ký túc xá sinh viên. Cùng với các máy móc, thiết bị được trang bị theo từng năm học đã phục vụ tốt quá trình đào tạo bậc Trung cấp và Cao đẳng.

Để tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường, căn cứ Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường Đại học, Cao đẳng giai đoạn 2001-2010; Căn cứ Tiêu chuẩn thiết kế trường Đại học (TCVN 3981:1985), với quy mô 10.000 sinh viên tại thời điểm 2004 của Trường, để có thể đảm bảo diện tích chỗ học tập cho 01 sinh viên là 6m², đảm bảo mật độ xây dựng khu học tập từ 20% đến 25%, với quỹ đất mới chỉ có là 4.7 ha, thì cần phải được bổ sung thêm từ 20 ÷ 30 ha (chỉ tiêu này tiếp tục được xác định tại Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ - Diện tích tối thiểu đối với trường đại học có quy mô 15.000 sinh viên là 30ha). Từ yêu cầu đó, Trường đã tiến hành lập Dự án quy hoạch tổng thể phát triển nhà trường giai đoạn 2005-2010, có xét triển vọng đến 2020. Dự án được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) phê duyệt tại quyết định số 1217/QĐ-KH ngày 23/5/2004 và được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại quyết định số 2875/QĐ-UB ngày 21/7/2004. Tháng 8 năm 2004, UBND tỉnh Hải Dương đã quyết định giao cho Trường 20,1ha đất tại Phường Thái Học, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương để xây dựng cơ sở II.

Từ năm 2007, nhà trường đã triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở II - giai đoạn I (2006-2010) theo Quyết định số 749/QĐ-BCN ngày 29/3/2006

của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Các hạng mục công trình đã được thực hiện gồm:

- Hoàn thành việc xây kè đá, công, tường rào và san lấp 20 ha diện tích mặt bằng.
- Hoàn thành xây dựng 02 Nhà học lý thuyết 5 tầng.
- Hoàn thành xây dựng 01 Xưởng thực hành.
- Hệ thống kỹ thuật hạ tầng:
 - + Xây dựng và lắp đặt Trạm điện và đường dây cấp điện cho cơ sở II.
 - + Xây dựng Hệ thống thoát nước; Khuôn đường giao thông nội bộ, rải cấp phối đá dăm trên khoảng 1/3 diện tích mặt bằng.

Giai đoạn 2016-2020, nhà trường triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư Trung hạn theo Kế hoạch chung của Bộ Công Thương và đưa vào khai thác, sử dụng cuối năm 2018:

- Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống đường giao thông (đường vào).
- Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở II, giai đoạn 2016-2020, Trường Đại học Sao Đỏ đã đầu tư mua sắm các máy móc, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo bậc Đại học thuộc các ngành đào tạo như: Thiết bị cho ngành Cơ khí, Điện, Ô tô, May và Thời trang, Ngoại ngữ... để thay thế dần các máy móc, trang thiết bị cũ đã lạc hậu.

Từ năm 2015, nhà trường đã đưa cơ sở II vào khai thác, sử dụng. Việc tổ chức đào tạo tại cơ sở II chủ yếu phục vụ cho các đối tượng học Trung cấp và Cao đẳng. Tuy nhiên, từ năm 2017 Trường không còn tổ chức đào tạo hệ Trung cấp và từ năm 2020 Trường không đào tạo hệ Cao đẳng. Chính vì vậy, số lượng học sinh sinh viên học tập tại cơ sở II ngày càng giảm.

Từ tháng 01/2021, thực hiện nội dung Văn bản số 86/UBND-VP ngày 31/01/2021 và Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của UBND thành phố Chí Linh về việc trưng dụng cơ sở vật chất của Trường Đại học Sao Đỏ - cơ sở II để xây dựng bệnh viện dã chiến và làm cơ sở cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19. Tiếp đó là Tờ trình số 05/TTr-UBND của UBND tỉnh Hải Dương trình Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép xây dựng và thành lập Bệnh viện dã chiến tại Trường Đại học Sao Đỏ - cơ sở II. Trường Đại học Sao Đỏ đã di chuyển toàn bộ máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo về cơ sở I và tạm bàn giao cơ sở vật chất còn lại cho UBND thành phố Chí Linh trưng dụng là bệnh viện dã chiến và làm nơi cách ly cho phòng chống dịch của địa phương. Đến thời điểm hiện tại, bệnh viện dã chiến vẫn đang hoạt động bình thường.

7.2. Xây dựng cơ bản

Giai đoạn 2016 - 2020, nhà trường được Bộ Công Thương phê duyệt thực hiện 03 dự án tại địa điểm đào tạo số 1, 2 với tổng mức đầu tư đã thực hiện là 76.106 triệu đồng (nguồn vốn tự huy động của trường là 15.171 triệu đồng tương ứng với 19,9% tổng vốn đầu tư), còn lại là ngân sách Nhà nước cấp.

Quá trình thực hiện dự án, nhà trường đã bám sát kế hoạch, tổ chức quản lý, kiểm tra và giám sát chặt chẽ chất lượng, tiến độ thi công các công trình. Đến tháng 01/2019 các công trình thuộc dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu về cơ sở vật chất của viên chức, giảng viên và sinh viên. Các dự án của trường đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán tháng 7/2019 theo Quyết định số 1059/QĐ-KTNN ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Ngoài ra, trong 5 năm qua nhà trường thực hiện cải tạo, sửa chữa nâng cấp 04 hạng mục công trình, bao gồm: nhà học lý thuyết; nhà làm việc cho giảng viên và các trung tâm thực hành, thực nghiệm; trung tâm giáo dục thể chất với tổng giá trị đã đầu tư cải tạo nâng cấp là 12.156 triệu đồng.

7.3. Mua sắm trang thiết bị

Hàng năm nhà trường đều đầu tư từ 3÷5 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị hiện đại, tiên tiến cho các khoa như: Máy Phay CNC, Máy Xung cho Trung tâm thực hành, thực nghiệm ngành cơ khí; thiết bị thực hành, thí nghiệm cho trung tâm thực hành, thực nghiệm ngành ô tô; thiết bị thực hành, thí nghiệm, mô hình cho phòng thực hành tự động hóa và SCADA; thiết bị thực hành, thực nghiệm ngành may; lắp đặt bổ sung 03 phòng học ngoại ngữ sử dụng phần mềm Multimedia điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ; 03 phòng thi trắc nghiệm; 150 bộ máy tính chuyên dụng cho phòng thực hành, thực nghiệm; mua bổ sung 169 đầu sách cho thư viện thuộc các lĩnh vực: văn học, kỹ năng sống, khoa học cơ bản, ngoại ngữ, cơ khí, điện - điện tử, ô tô, kinh tế, công nghệ may, công nghệ thông tin, nâng đầu sách thư viện lên 3.352 đầu sách, để phục vụ giảng dạy và học tập. Lắp đặt camera cho phòng học lý thuyết nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý đào tạo. 100% phòng học, phòng thực nghiệm được lắp điều hòa nhiệt độ.

Đánh giá chung: Giai đoạn 2016-2020, Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức quản lý tốt cơ sở vật chất như: Đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, máy móc trang thiết bị... Cùng với đó, việc đầu tư xây dựng và mua sắm mới, đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình xuống cấp đã tạo ra một mái trường khang trang, hiện đại, một diện mạo mới sáng, xanh, sạch, đẹp để từ đó góp phần mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo.

8. Tài chính

Hoạt động quản lý tài chính được thực hiện trên phần mềm quản lý MISA. Hệ thống quản lý tài chính của Trường được thực hiện chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hoá và chuẩn hoá.

Nhà trường thực hiện đúng Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế thu và quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đảm bảo theo lộ trình và đúng quy định. Định kỳ 2 năm một lần Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán tại Trường. Kết quả kiểm toán qua các năm đều được đánh giá tốt.

Tổng nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2016 - 2020 cụ thể như sau:

Bảng 9: Tổng hợp nguồn thu các năm

Nguồn	Năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số (tr.đồng)	90,506	91,306	60,739	60,160	54,359
Ngân sách Nhà nước cấp (%)	49,263 (54,4%)	55,073 (60,31%)	46,220 (57,24%)	20,377 (33,88%)	16,442 (30,24%)

Nguồn thu của Trường giảm theo các năm với các lý do sau: Nguồn ngân sách cấp cho Trường giảm dần theo lộ trình của Chính phủ; quy mô đào tạo giảm. Đặc biệt năm 2019, 2020 không có nguồn ngân sách cấp cho đầu tư xây dựng cơ bản.

9. Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho viên chức và sinh viên

9.1. Đối với viên chức

Giai đoạn 2016 - 2020, nhà trường đã đảm bảo cho 100% viên chức có việc làm và thu nhập ổn định với mức thu nhập bình quân/năm là 7,52 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài ra, nhà trường đã tổ chức xét nâng bậc lương định kỳ, nâng bậc lương trước thời hạn cho viên chức đảm bảo đúng quy định. Duy trì nề nếp tổ chức tham quan, du lịch cho viên chức. Tổ chức thăm hỏi, động viên viên chức trong việc hiếu hỉ và các ngày lễ, tết.

Thực hiện tốt việc khám và điều trị thường xuyên tại trạm y tế. Mỗi năm một lần tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho viên chức. Làm tốt công tác tổ chức phòng ngừa dịch bệnh, không để phát sinh lây lan trong trường, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

9.2. Đối với sinh viên

Giai đoạn 2016 - 2020, nhà trường đã xét và cấp học bổng cho 1.034 lượt

sinh viên; giải quyết cho 3.165 lượt sinh viên được miễn giảm học phí với tổng kinh phí 18.437,43 triệu đồng, hỗ trợ chi phí học tập cho 142 lượt sinh viên với tổng kinh phí 621,96 triệu đồng; giải quyết trợ cấp xã hội cho 47 lượt sinh viên với tổng kinh phí 40,280 triệu đồng.

100% phòng ở ký túc xá được đầu tư, cải tạo và lắp đặt điều hòa nhiệt độ, bình nóng lạnh, giường tầng cao cấp Hàn Quốc, camera giám sát và được phủ sóng wifi, cùng các thiết bị khác,... đáp ứng tốt nhu cầu ăn ở, sinh hoạt của sinh viên.

Ngoài ra, đầu tư cải tạo sân vận động thành sân cỏ nhân tạo tại địa điểm đào tạo số 1 với diện tích 3.300 m² để tổ chức nhiều loại hình bóng đá từ 5÷11 cầu thủ/đội, đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng; trung tâm giáo dục thể chất với 02 sân bóng chuyên hơi (01 sân nam và 01 sân nữ), 01 sân cầu lông, 01 sân bóng bàn đạt tiêu chuẩn thi đấu; đầu tư lắp đặt 16 dụng cụ tập thể dục, thể thao ngoài trời phục vụ cho viên chức, giảng viên và sinh viên tập luyện nâng cao sức khỏe.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020 dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám hiệu, các đơn vị phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, Trường Đại học Sao Đỏ đã gặt hái được nhiều thắng lợi đáng tự hào trên nhiều lĩnh vực công tác:

- Về đào tạo: Đa dạng hóa các phương pháp và hình thức giảng dạy với phương châm "*lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng*". Từ đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực chuyển sang đào tạo theo hướng ứng dụng, chuyên sâu. Hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực của sinh viên từ việc tái hiện kiến thức đã lĩnh hội chuyển sang đánh giá năng lực thực hiện và tính ứng dụng kiến thức đã lĩnh hội vào công việc. Coi trọng tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng và gần chuyên ngành sau khi tốt nghiệp là thước đo đánh giá của người học và xã hội về chất lượng đào tạo.

- Về đầu tư cơ sở vật chất: Thực hiện cuộc cách mạng trong đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, vừa xây dựng mới, vừa cải tạo công trình cũ. Với tinh thần nơi làm việc, học tập và nơi ở, sinh hoạt đạt yêu cầu "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp", "Mát về mùa hè, ấm về mùa đông". Trang thiết bị phục vụ đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, tiên tiến. Cùng với đó nhà trường cũng đã huy động được nguồn lực của xã hội để đầu tư cho cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

- Công tác bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng lên từng năm. Công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ của giảng viên cũng có nhiều khởi sắc, các khoa chuyên ngành đã có những "cánh chim đầu đàn" trong

việc khai thác và làm chủ những thiết bị hiện đại tại các trung tâm thực hành, thực nghiệm. Đây là những “hạt giống đỏ” của nhà trường để gieo hạt mầm tri thức cho các thế hệ sinh viên.

- Về công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã khẳng định được uy tín, vị thế của một trường đại học có bề dày truyền thống. Hoạt động nghiên cứu khoa học thực sự có bước vươn mình mạnh mẽ. Từ việc chỉ có đề tài NCKH cấp cơ sở, đến nay Trường đã và đang thực hiện nhiều đề tài khoa học công nghệ cấp bộ, tỉnh và cấp Nhà nước. Những kết quả đạt được trong hoạt động khoa học và công nghệ đã khẳng định được năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường.

- Nhà trường đã đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa Trường và doanh nghiệp. Thông qua quan hệ hợp tác, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp.

Những kết quả đạt được trong 5 năm qua với dấu ấn Nhà trường được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam đánh giá kiểm định và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục giai đoạn 2017-2022, đây là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Sao Đỏ tiếp tục xây dựng và phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2. Bài học kinh nghiệm

2.1. Tinh thần đoàn kết

Đoàn kết là cái gốc tạo nên sức mạnh để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà nhà trường đặt ra. Tập thể lãnh đạo và toàn thể viên chức đã cùng nhau chung sức đồng tâm, nhất trí, trên dưới một lòng để vượt qua khó khăn trước ảnh hưởng của cơ chế thị trường.

2.2. Tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và tinh thần vượt khó vươn lên

Tập thể lãnh đạo nhà trường với tinh thần bám sát thực tiễn cuộc sống, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo đã thực sự có nhiều sách lược, chiến lược hết sức sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên dám nghĩ, dám làm, đổi mới tư duy trong hoạt động đào tạo, hoạt động quản lý với phương châm “Thực học - thực hành - thực danh - thực nghiệp” và “gắn tuyển sinh với tuyển dụng, gắn đào tạo với cung ứng nguồn nhân lực”; dấn thân, vượt khó trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Những quyết sách kịp thời đó đã giữ vững sự ổn định và từng bước đưa nhà trường phát triển.

2.3. Tinh thần thi đua “Dạy tốt - Học tốt”

Với sứ mệnh chính là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ đất nước, các giảng viên đã thi đua đổi mới đồng bộ phương pháp giảng dạy theo hướng “Lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng; kiến thức mở rộng là cần thiết; kiến

thức ứng dụng là quan trọng” thực hiện tốt phương châm “Học đi đôi với hành; lý thuyết gắn với thực tiễn; nhà trường gắn liền với xã hội”, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; coi trọng việc giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên; đổi mới việc kiểm tra đánh giá theo năng lực người học. Sinh viên tích cực thi đua học tập, say mê nghiên cứu, tiến quân vào khoa học công nghệ, xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên

Nhà trường đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên có đức, có tài, tâm huyết và gắn bó với sự nghiệp đào tạo với phương châm “tôn tài, trọng trí” theo đúng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “cán bộ là cái gốc của công việc”. Tập thể lãnh đạo đã quan tâm chăm lo động viên chia sẻ cả về vật chất và tinh thần đối với giảng viên đi học nghiên cứu sinh bằng việc hỗ trợ 100% học phí, thưởng 50 triệu đối với nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành khoa học xã hội và nhân văn; 70 triệu với ngành kỹ thuật. Với quan điểm và phương châm này, hiện nay nhà trường đã có đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ “Tâm - Tầm - Trí - Đức” để xây dựng nhà trường phát triển ổn định, lâu dài.

2.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên

Tập thể lãnh đạo nhà trường thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và sinh viên. Công đoàn đã tích cực thăm hỏi, tặng quà cho viên chức có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ tết, thăm hỏi lúc ốm đau, hiếu hỉ, khen thưởng cho con viên chức có thành tích xuất sắc trong học tập, nghiên cứu khoa học.

Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tiễn quá trình hoạt động của nhà trường. Đây là cơ sở vững chắc để tập thể giảng viên, viên chức tiếp tục thực hiện xuất sắc sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ.

PHẦN III
KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định, chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Chí Linh lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ lần thứ X nhiệm kỳ 2020-2025.

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sao Đỏ là: **“Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững”**.

2. Sứ mạng 2025: Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

3. Tâm nhìn 2030: Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. **Đẩy mạnh hoạt động:** Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ Tư.

4. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021 - 2025

- Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

- Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

- Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

- Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TS

C. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tình hình quốc tế

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các nước trên thế giới, đánh dấu bước ngoặt chuyển từ kỷ nguyên kỹ thuật số sang kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số...

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm thay đổi cơ cấu ngành nghề trong nền kinh tế của các quốc gia, từ đó yêu cầu giáo dục và đào tạo phải từng bước thay đổi cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế. Xu hướng quốc tế hóa trong giáo dục đại học không chỉ diễn ra mạnh mẽ ở các nước phát triển mà nó cũng đã làm thay đổi tư duy trong vấn đề quản trị đại học ở các nước đang phát triển.

Bối cảnh quốc tế trên đã tạo nên những thay đổi sâu sắc trong giáo dục, nhất là giáo dục đại học và sau đại học của nước ta. Vì vậy giáo dục đại học Việt Nam nói chung và Trường Đại học Sao Đỏ nói riêng, cùng với việc nâng cao chất lượng đào tạo thì vấn đề giáo dục đạo đức, nhân cách và kỹ năng sống, kỹ năng thích ứng và hội nhập cho sinh viên là một vấn đề mang tính cấp bách.

2. Tình hình trong nước

Trong cương lĩnh phát triển bền vững đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định khoa học công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Do đó, trước xu thế vận động của xã hội và thế giới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng mở và linh hoạt, trao quyền tự chủ, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước, nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng đào tạo.

Các cơ sở giáo dục đại học đã và đang thực hiện có hiệu quả quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, với 3 nội dung cốt lõi:

(1) chuyển từ quá trình giáo dục chủ yếu truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

(2) chuyển từ phát triển chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng, hiệu quả với số lượng hợp lý.

(3) chuyển từ hệ thống giáo dục còn khép kín, cứng nhắc, biệt lập sang hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông.

Các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đang dần được định chuẩn: Chuẩn quốc gia đối với các cơ sở giáo dục đại học; chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chí xếp hạng cơ sở giáo dục đại học; chuẩn kiểm định chất lượng

trường đại học; chuẩn kiểm định chất lượng chương trình... các chuẩn này đang dần tiệm cận với chuẩn khu vực và quốc tế.

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, một số cơ sở giáo dục đại học đã từng bước thực hiện quá trình tự chủ đại học và phát huy được thế mạnh của mình. Cùng với đó việc liên kết giữa các trường đại học với nhau và đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp để đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, cung ứng nguồn nhân lực trở thành một xu hướng mới của giáo dục đại học Việt Nam. Nó không chỉ xuất phát từ yêu cầu khách quan của quy luật kinh tế, quy luật cung cầu, mà còn xuất phát từ lợi ích của hai bên Trường - Trường, Trường - Doanh nghiệp, trên tinh thần định hướng giáo dục nghề nghiệp: “Học đi đôi với hành, đào tạo kết hợp với lao động sản xuất, đào tạo của nhà trường gắn liền với giáo dục của gia đình và giáo dục của xã hội”.

Trường Đại học Sao Đỏ trực thuộc Bộ Công Thương, đứng chân trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, là địa phương có nền kinh tế phát triển tương đối năng động. Trong khoảng 5 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hải Dương nói chung, của thành phố Chí Linh nói riêng thuộc loại khá và đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội. “Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước sẽ tạo nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo ra lực lượng sản xuất mới và giá trị tăng thêm của các khu vực kinh tế”³.

3. Cơ hội và thách thức đối với Trường Đại học Sao Đỏ

3.1. Cơ hội

Đảng, Nhà nước tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW khóa XI; Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm đến lãnh đạo, chỉ đạo ngành giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng “tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý các trường đại học theo hướng phân cấp mạnh hơn để Hội đồng trường nâng cao trách nhiệm tập thể và cá nhân, phát huy tính chủ động sáng tạo, huy động được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước vào quản lý, đầu tư, phát triển trường, nhất là đối với các trường tự chủ hoàn toàn hoặc một phần”⁴.

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo có định hướng phát triển giáo dục đại học phù hợp với xu thế phát triển của thời đại “Bậc đại học thì từ khâu xây dựng chương trình, tới thiết kế chuẩn đầu ra, tới đặt từng môn học sao cho sát hợp thực tiễn. Học đi đôi với hành, thực tập thực tế cho đầy đủ, thực chất. Cần lấy nghiên

³Văn kiện Đại hội Đại biểu thành phố Chí Linh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 37,38.

⁴ Thông báo số 104/TB-VPCP ngày 13/5/2021 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

cứu khoa học, đổi mới sáng tạo làm nền tảng để tạo ra chất lượng. Cần nuôi khát vọng, chí hướng và tinh thần khởi nghiệp. Cần thay đổi phương pháp để sao cho người học tiếp thu tốt nhất, thích học, biết học để làm gì, học ngành nghề phù hợp với năng lực sở trường của mình”⁵.

Về phía Bộ Công Thương có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao đến hệ thống các trường đại học thuộc Bộ: “xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo mở về đối tượng, mở về tài nguyên giáo dục, mở mở về phương pháp, mở về ý tưởng, mở về địa điểm, mở về công nghệ học tập; tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi; tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời”⁶.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII xác định “phấn đấu đến năm 2025 là tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng để Hải Dương sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”⁷ và “Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ năm 2025 đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phấn đấu đạt 55% (đến năm 230 phấn đấu đạt 65%)”⁸. Như vậy, trong 5 năm tới, tỉnh Hải Dương cần một nguồn nhân lực rất lớn có trình độ đại học phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Đại hội Đảng bộ thành phố Chí Linh lần thứ XXIII xác định “tạo môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư, đưa Chí Linh là đô thị động lực, trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại, du lịch và công nghiệp của tỉnh Hải Dương”⁹ và “đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 67%; thương mại, dịch vụ, du lịch 22,5%; lâm nghiệp, thủy sản 10,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 35%”¹⁰ đây là những điều kiện hết sức thuận lợi để Nhà trường có chiến lược đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Hải Dương và đất nước.

Về phía Nhà trường, là trường đại học duy nhất trên địa bàn tỉnh Hải Dương đào tạo theo định hướng đại học ứng dụng, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm với các ngành kỹ thuật. Đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với sự nghiệp “trồng người”. Chất lượng nguồn nhân lực đã được doanh nghiệp và xã hội thừa nhận. Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và tập thể sư phạm Nhà trường đoàn kết, trên dưới một lòng quyết tâm xây dựng Nhà trường ổn định, phát triển. Cùng với đó là sự ủng hộ, giúp đỡ của lãnh đạo các cấp

⁵ Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn ngày 19/5/2021 với Báo Tuổi Trẻ.

⁶ Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên tại buổi làm việc trực tuyến cùng 9 trường đại học thuộc Bộ ngày 18/5/2021

⁷ Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 25-26.

⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 25-26.

⁹ Văn kiện Đại hội Đại biểu thành phố Chí Linh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 50.

¹⁰ Văn kiện Đại hội Đại biểu thành phố Chí Linh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 50.

từ Trung ương, địa phương cũng như nhân dân nơi trường đứng chân luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất để trường ngày một phát triển.

3.2. Thách thức

Quy mô đào tạo chưa tương xứng với năng lực hiện có của Nhà trường. Đặc biệt là quy mô đào tạo giữa các ngành học không đồng đều dẫn đến chưa khai thác hết cơ sở vật chất hiện có ở một số ngành học và có sự dôi dư giảng viên ở những ngành này.

Sự cạnh tranh khốc liệt trong công tác tuyển sinh giữa các cơ sở giáo dục đại học ngày càng gay gắt. Trường đứng chân trên địa bàn tỉnh Hải Dương xa các thành phố lớn nên công tác tuyển sinh gặp những khó khăn nhất định.

Nguồn tài chính còn hạn chế. Do đó, việc đầu tư trang thiết bị hiện đại để tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, chuyển đổi số... hạn chế.

Nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số, công dân toàn cầu, thời kỳ hội nhập... ngoài những yêu cầu về trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong... thì việc đào tạo và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động là bài toán đặt ra cho tất cả các cơ sở giáo dục đại học trong đó có Trường Đại học Sao Đỏ.

Diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế đất nước, trong đó có giáo dục đào tạo.

Từ bối cảnh quốc tế, trong nước và tình hình kinh tế, xã hội địa phương đòi hỏi Trường Đại học Sao Đỏ phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII “thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo... cơ cấu lại, củng cố và nâng cao chất lượng mạng lưới các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn”¹¹ và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh nhằm thu hút người học và tăng tỷ lệ tuyển sinh hàng năm; tăng cường mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại phục vụ đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm năm sau cao hơn năm trước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giảng viên, viên chức và sinh viên; giữ vững khối đoàn

¹¹Văn kiện Đại hội Đại biểu tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, tr 24

kết, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh toàn diện; giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường vững mạnh toàn diện, tất cả vì mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường nhanh và bền vững.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Chiến lược phát triển đào tạo

1.1. Mục tiêu

Phát triển chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn về chất lượng nguồn nhân lực trong nước và quốc tế; gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng tỷ lệ tuyển sinh hàng năm để xây dựng Trường Đại học Sao Đỏ trở thành một cơ sở đào tạo theo định hướng đại học ứng dụng. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

1.2. Chỉ tiêu

a) Chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm đạt từ 1.200÷1.500 sinh viên. Phần đầu đến năm 2025 quy mô đạt 5.500÷6.000 sinh viên, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi có tỷ lệ không vượt quá 20SV/giảng viên; đến năm 2030 quy mô đạt từ 7.000÷7.500 sinh viên.

b) Xây dựng 2÷3 chương trình đào tạo chất lượng cao.

c) 100% các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh hằng năm theo quy định, từng bước đào tạo theo đơn đặt hàng doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn Tỉnh.

d) Hợp tác từ 2÷3 chương trình đào tạo liên kết hợp tác với nước ngoài.

đ) Mở thêm 1÷2 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

e) Đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm 95÷98%, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành được đào tạo đạt trên 90%.

1.3. Giải pháp thực hiện

a) Nghiên cứu, đổi mới xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời điểm. Phương án tuyển sinh tập trung và phù hợp với đối tượng học sinh tại địa bàn trọng tâm trong tỉnh và các vùng lân cận.

b) Phát huy tối đa nguồn lực trong công tác tuyển sinh, tăng cường các giải pháp truyền thông, tư vấn tuyển sinh, xây dựng cơ chế chính sách trong các hoạt động tuyển sinh. Tập trung ứng dụng, khai thác hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác truyền thông hình ảnh, các hoạt động của nhà trường.

c) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, cải thiện môi trường học tập và các dịch vụ trong nhà trường..., quan tâm đảm bảo chất lượng đầu ra đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp và xã hội, góp phần nâng cao và ổn định hiệu quả công tác tuyển sinh.

d) Rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định về đào tạo theo hướng linh hoạt, đảm bảo tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế nhà trường và đúng quy định của Nhà nước.

đ) Tiếp tục cải tiến, xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, vào hoạt động dạy và học.

e) Tổ chức rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo; thiết kế chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng đảm bảo quy định, chú trọng gắn nội dung đào tạo với hoạt động thực tiễn, cập nhật kiến thức mới theo sự phát triển của ngành, phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng doanh nghiệp, ưu tiên các doanh nghiệp đứng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

f) Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao với nội dung rộng hơn, sâu hơn và có các học phần học bằng tiếng Anh.

g) Lựa chọn và xây dựng lộ trình làm việc với có sở đào tạo nước ngoài, xây dựng đề án đào tạo liên kết, hợp tác, chuẩn bị đầy đủ đội ngũ giảng viên có trình độ ngoại ngữ, cơ sở vật chất, các trang thiết bị, hệ thống quản lý nội dung học tập đáp ứng cho đào tạo liên kết.

h) Tổ chức xây dựng mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ trên cơ sở các ngành đã kiểm định chương trình đào tạo đại học: công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật ô tô. Tiến hành khảo sát nhu cầu người học và nhu cầu nguồn nhân lực địa phương, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất theo các quy định hiện hành.

i) Đổi mới đồng bộ phương pháp giảng dạy theo hướng “Lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng; Kiến thức mở rộng là cần thiết; Kiến thức ứng dụng là quan trọng” thực hiện tốt phương châm “Học đi đôi với hành; Lý thuyết gắn với thực tiễn; Nhà trường gắn liền với doanh nghiệp”. Thầy thích dạy, trò thích học để phát triển thế hệ sinh viên sống có chí hướng, có ý chí khát vọng, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

j) Duy trì đánh giá kết quả trên cơ sở đánh giá năng lực thực hiện nhằm tạo ra động lực mới thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo, tính độc lập và ý thức trách nhiệm của giảng viên và sinh viên. Khơi dậy nguồn cảm hứng học tập trong sinh viên để nâng cao chất lượng toàn diện: “Đức - Trí - Thể - Mỹ” phù hợp với thời kỳ chuyển đổi số.

k) Tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, hợp tác giữa Trường và doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp,

đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội của địa phương tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận.

2. Chiến lược phát triển về đảm bảo chất lượng

2.1. Mục tiêu

Tiếp tục đổi mới hoạt động thanh tra đào tạo, ứng dụng công nghệ thông minh để kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo đáp ứng yêu cầu quản trị đại học; tăng số lượng học phần kiểm tra đánh giá người học bằng hình thức đánh giá năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, từng bước tiếp cận chuẩn chương trình đào tạo khu vực, quốc tế. Phần đầu đến năm 2025 có 50% chương trình đào tạo đủ điều kiện được đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2.2. Chỉ tiêu

a) Rà soát, hiệu chỉnh quy định xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi và tổ chức thi các học phần, trong đó hình thức kiểm tra đánh giá kết thúc học phần bằng trắc nghiệm khách quan trên máy tính và đánh giá năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra chiếm trên 40% trong tổng số các học phần thuộc chương trình đào tạo.

b) Tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

c) Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo; lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp về chất lượng đào tạo và tình hình việc làm đạt trên 90%. Ý kiến của người sử dụng lao động về chất lượng cựu sinh viên công tác tại cơ quan, doanh nghiệp.

d) 100% các chương trình đào tạo trình độ đại học đủ điều kiện được triển khai tự đánh giá chất lượng, trong đó có ít nhất 50% tổng số chương trình đào tạo đã tự đánh giá được kiểm định đạt chuẩn chất lượng theo quy định.

2.3. Giải pháp thực hiện

a) Tiếp tục cập nhật, rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản nội bộ về công tác thanh tra hoạt động đào tạo, khảo thí, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

b) Duy trì, khai thác hiệu quả hệ thống quản lý hoạt động đào tạo trên phân hệ PMT-EMS Education.

c) Ứng dụng có hiệu quả phần mềm quản lý công việc qua cổng hành chính điện tử, cổng thông tin học tập trực tuyến, thiết bị nhận diện vân tay, camera tại các khu giảng đường để kiểm soát quá trình dạy học và thực hiện các hoạt động thanh kiểm tra.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên bằng hình thức trắc nghiệm, năng lực thực hiện nhằm đảm bảo độ tin cậy, khách quan công bằng.

đ) Khảo sát nhu cầu thị trường lao động đối với các ngành đào tạo của nhà trường. Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi về các hoạt động của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan như: nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, viên chức, người học, người học tốt nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

e) Đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi viên chức, giảng viên, sinh viên bằng hình thức khảo sát trực tuyến; cung cấp thông tin, dữ liệu khảo sát kịp thời phục vụ cải tiến và phát triển chương trình đào tạo.

f) Triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, cụ thể: năm học 2020 – 2021 ngành: công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; công nghệ kỹ thuật cơ khí; công nghệ kỹ thuật ô tô. Dự kiến năm học 2021 -2022 ngành: công nghệ thông tin; kỹ thuật điều khiển, tự động hóa; quản trị kinh doanh. Từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024 – 2025 tổ chức đánh giá tiếp một số ngành khi đủ điều kiện.

3. Chiến lược phát triển đội ngũ

3.1. Mục tiêu

Xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, nhân viên đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3.2. Chỉ tiêu

a) Đảm bảo số lượng đội ngũ giảng viên ở các ngành đào tạo.

b) Chọn cử từ 1÷2 giảng viên/năm tham gia nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Phấn đấu đến năm 2025 có trên 25% giảng viên có trình độ tiến sĩ; 30% giảng viên sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy, 50% giảng viên thường xuyên sử dụng ngoại ngữ trong công việc; có 2÷4 giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, học hàm Phó Giáo sư.

c) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu đạt tỷ lệ không quá 20 sinh viên/giảng viên.

3.3. Giải pháp thực hiện

a) Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, có chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao.

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, kỹ năng quản trị đại học, kỹ năng ngoại ngữ, tin học đảm bảo yêu cầu công việc cho đội ngũ giảng viên, chuyên viên và nhân viên.

c) Chọn cử giảng viên có năng lực và phẩm chất tốt, gắn bó lâu dài với Trường đi nghiên cứu sinh theo Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 01

năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030. Tập trung vào các ngành: Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Công nghệ dệt, may; Công nghệ thông tin... Lựa chọn cơ sở đào tạo trong nước như: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Khoa học xã hội... và đào tạo ngoài nước tại Pháp, Nga, Trung Quốc...

d) Tổ chức các chương trình trao đổi giảng viên với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước, chương trình chuyên gia cho doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, tăng cường hoạt động thực tiễn của viên chức, giảng viên để phát huy tính sáng tạo của người thầy tạo ra nguồn tri thức mới.

đ) Xây dựng chính sách khuyến khích tiến sĩ phát huy năng lực nghiên cứu khoa học.

e) Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đổi mới công tác quản lý, minh bạch các hoạt động, tạo môi trường làm việc tốt cho giảng viên và viên chức.

4. Chiến lược về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

4.1. Mục tiêu

Mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế trong hoạt động khoa học, công nghệ, gắn nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ nhằm từng bước tự chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ trở thành tạp chí có uy tín, được tính điểm từ 02÷04 lĩnh vực theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

4.2. Chỉ tiêu

a) Thực hiện 01÷02 đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước; mỗi năm thực hiện 02÷04 đề tài khoa học công nghệ cấp bộ/tỉnh/thành phố, 35÷40 đề tài cấp cơ sở, trong đó 40÷50% đề tài của sinh viên.

b) Duy trì xuất bản tạp chí nghiên cứu khoa học 04 số/năm, trong đó xuất bản 01 số đặc biệt (100% các bài báo sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh), mỗi số đăng 16÷18 bài báo khoa học; có 02÷04 ngành/liên ngành được tính điểm theo quy định Hội đồng Giáo sư Nhà nước, xây dựng tạp chí điện tử.

c) Hằng năm có 10÷20 bài báo/báo cáo khoa học được công bố trên tạp chí, hội nghị khoa học trong danh mục ISI và Scopus; xuất bản 01÷02 đầu sách chuyên khảo phục vụ quá trình học tập và nghiên cứu; phát hành 10.000÷15.000 ấn phẩm khoa học.

d) Tổ chức 01÷02 hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế; phần đầu có 10÷15 biên bản/thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ được ký kết.

d) Tổ chức Hội thi Sáng tạo khoa học công nghệ cấp trường 01 lần/năm; có 01÷03 công trình đoạt Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam (Vifotec), 02÷04 công trình đoạt Giải thưởng Sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương; 40÷50 sáng kiến được công nhận/năm.

e) Có 10÷15 công trình/giải pháp công nghệ được chuyển giao cho doanh nghiệp; phần đầu có 01÷02 sản phẩm được chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ.

f) Xây dựng 01÷02 phòng thí nghiệm đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ quá trình nghiên cứu, học tập cho giảng viên và sinh viên.

4.3. Giải pháp thực hiện

a) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên; khuyến khích, khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên.

b) Tổ chức tư vấn, tuyển chọn, thực hiện, đánh giá đề tài khoa học công nghệ các cấp đảm bảo chất lượng và tiến độ.

c) Gắn kết quả nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ để đại học không chỉ là nơi dạy cho mọi người tiếp thu công nghệ mà còn là nơi sáng tạo công nghệ, nhằm thương mại hoá kết quả nghiên cứu và tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ.

d) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để tìm kiếm, thực hiện/phối hợp thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh và thành phố; ưu tiên thực hiện các đề tài khoa học công nghệ có tính mới, tính ứng dụng.

đ) Phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.

e) Tư vấn, hỗ trợ cán bộ, giảng viên đăng ký sáng kiến; tổ chức xét chọn sáng kiến và xác định mức thưởng cho tác giả/nhóm tác giả trên cơ sở giá trị làm lợi của sáng kiến.

f) Duy trì tổ chức hội thi “Sáng tạo khoa học công nghệ” cho giảng viên và sinh viên; tư vấn, hỗ trợ sinh viên thiết kế, chế tạo Robot tham gia cuộc thi Robocon đạt kết quả cao; tuyển chọn được các công trình/giải pháp/sản phẩm tham gia hội thi sáng tạo khoa học công nghệ cấp tỉnh, bộ, quốc gia.

g) Tổ chức tư vấn, hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong công tác sở hữu trí tuệ; tuyển chọn và gửi hồ sơ đề nghị cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu, kiểu dáng,... cho công trình/giải pháp/sản phẩm khoa học công nghệ của giảng viên và sinh viên.

h) Tổ chức các đoàn thăm quan, học tập tại nước ngoài; phối hợp tuyển chọn giảng viên và sinh viên có năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực ngoại

ngữ tham gia chương trình nghiên cứu và học tập tại các trường, viện nghiên cứu ngoài nước.

5. Chiến lược phát triển công tác tổ chức và quản lý

5.1. Mục tiêu

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuẩn các chức danh cán bộ quản lý, giảng viên theo cơ cấu đảm bảo theo yêu cầu phát triển nhà trường. Xây dựng và tổ chức kế hoạch tự bồi dưỡng, tự rèn luyện nâng cao năng lực quản lý. Nghiên cứu xây dựng và áp dụng mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

5.2. Chỉ tiêu

a) Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt giai đoạn 2021 - 2026 và chuẩn bị nguồn tiếp cận cho nhiệm kỳ tiếp theo. Đảm bảo 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, quản trị đại học.

b) Hoàn thành đề án vị trí việc làm trình Bộ Công Thương phê duyệt theo lộ trình quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

c) Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cho phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai, hoàn thiện và vận hành có hiệu quả các phần mềm quản lý. Đảm bảo 100% viên chức, sinh viên và các khâu công việc có nền tảng chia sẻ và cơ sở dữ liệu dùng chung.

d) Duy trì, ổn định đội ngũ giảng viên theo quy mô đào tạo và đạt chuẩn theo chức danh nghề nghiệp, phấn đấu tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.

5.3. Giải pháp thực hiện

a) Sáp nhập một số đơn vị chức năng, điều chuyển vị trí việc làm cho phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức.

b) Xác định số lượng vị trí việc làm, bản mô tả công việc làm cơ sở xác định số lượng người làm việc tại các đơn vị; thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, điều động, luân chuyển, quản lý viên chức theo lộ trình tự chủ đại học.

c) Tổ chức công việc các đơn vị khoa học, không chồng chéo để phát huy tính sáng tạo, chủ động, dám nghĩ, dám làm của đội ngũ viên chức. Thực hiện đúng phương châm “5 rõ”: Rõ người - Rõ việc - Rõ thời gian - Rõ kết quả và Rõ trách nhiệm.

d) Phát hiện, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời các hoạt động yếu kém trong trong nhà trường.

đ) Soạn thảo mới, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của nhà trường nhằm tạo thế và lực

cho viên chức, đơn vị, nhà trường thích ứng với mọi hoàn cảnh thuận lợi cũng như khó khăn ở bên trong và bên ngoài.

e) Chuẩn hóa năng lực các vị trí chức danh theo hướng hội nhập, chuyên nghiệp, làm cơ sở cho công tác tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm. Đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân theo các chỉ số kết quả hoạt động (KPIs) làm cơ sở cho chính sách trả lương, thưởng. Tăng tính chuyên nghiệp và văn hóa phục vụ của đội ngũ viên chức hành chính.

f) Xây dựng và thực hiện lộ trình tái cấu trúc hệ thống quản trị hiện đại, khoa học và hợp lý trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo quá trình này được tiến hành với ý chí và nguyện vọng thống nhất của tập thể viên chức nhà trường.

g) Xây dựng hệ thống quản trị thông minh trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý tổng thể đi đôi với tối ưu hóa, đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Thực hiện phân cấp quản lý nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động của toàn hệ thống.

h) Tăng cường giám sát, đánh giá mọi mặt hoạt động của nhà trường nhằm đảm bảo sự minh bạch, liêm chính và hiệu quả. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

6.1. Mục tiêu

Xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại, đảm bảo môi trường đào tạo, làm việc và sinh hoạt sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh. Xây dựng các kế hoạch đầu tư trung hạn, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các phòng học, các trung tâm thực hành, thực nghiệm với trang thiết bị tiên tiến hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; cải tạo, sửa chữa nâng cấp và mua sắm cơ sở vật chất hàng năm hướng tới mục tiêu đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

6.2. Chỉ tiêu

a) Đầu tư đảm bảo 100% phòng học lý thuyết, các trung tâm thực hành, thực nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định nhằm phục vụ tốt quá trình công tác, giảng dạy, học tập và nghiên cứu của viên chức, giảng viên, sinh viên.

b) Xây dựng và thực hiện các dự án trung hạn giai đoạn 2021-2025 gồm: Quy hoạch lại mặt bằng cơ sở I; dự án đầu tư xây dựng Nhà thể thao đa năng; dự án đầu tư xây dựng Hệ đường giao thông nội bộ.

c) Cải tạo nâng cấp các trung tâm thực hành, thực nghiệm bao gồm: Trung tâm thực hành, thực nghiệm ngành Cơ khí; Trung tâm thực hành, thực nghiệm ngành Công nghệ thông tin.

d) Sửa chữa nhà khu ký túc xá sinh viên (D1, D2).

đ) Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiên tiến phục vụ đào tạo mỗi năm đầu tư từ 3÷5 tỷ đồng để mua sắm máy móc, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại.

e) Xây dựng dự án trung hạn giai đoạn 2026-2030. Tập trung vào các hạng mục công trình: Trung tâm Thư viện và nghiên cứu khoa học; Ký túc xá sinh viên theo Quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở I đã được Sở Xây dựng Hải Dương chấp thuận, UBND thành phố Chí Linh phê duyệt, đảm bảo về quy mô xây dựng, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất. Căn cứ vào tình hình tài chính nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tự huy động của Trường, sẽ lựa chọn thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình đảm bảo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm vốn đầu tư.

6.3. Giải pháp thực hiện

a) Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật đã có và đầu tư mới trên cơ sở hỗ trợ của Nhà nước và thực hiện cơ chế liên doanh, liên kết đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước.

b) Tổ chức việc sử dụng các cơ sở vật chất và trang thiết bị tập trung để tăng hiệu quả sử dụng và tránh đầu tư chồng chéo.

c) Nâng cấp, bổ sung và trang bị mới các phòng thí nghiệm đã quá lạc hậu để phục vụ giảng dạy thực hành và thí nghiệm ở bậc đại học.

d) Trang bị mới một số phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học.

7. Chiến lược về công tác tài chính

7.1. Mục tiêu

Phát triển, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo có đủ kinh phí chi thường xuyên, chi không thường xuyên và chi đầu tư trong hoạt động của nhà trường. Tăng cường chi cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ và nâng cao đời sống viên chức và sinh viên. Năm 2021, Trường xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2026, Năm 2027 nâng mức độ tự chủ tài chính của Trường lên đơn vị nhóm 2 - đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và phần đầu đến năm 2030 là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư – đơn vị nhóm 1.

7.2. Chỉ tiêu

a) Nguồn thu học phí tăng bình quân mỗi năm 10%, đạt tỷ lệ từ 70 ÷ 80% nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên.

b) Thực hiện thu học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

c) Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học, thu khác đóng góp từ 10÷15% tổng nguồn thu tài chính.

d) Tổng nguồn thu giai đoạn 2021-2026 tăng dần từ 55 tỷ đồng trong năm 2021 lên 95 tỷ đồng vào năm 2026 và đến năm 2030 đạt 150 tỷ đồng. Cụ thể theo bảng tổng hợp sau:

TỔNG HỢP DỰ KIẾN THU GIAI ĐOẠN 2021-2025 và 2026-2030

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	GIAI ĐOẠN 2021-2025					GIAI ĐOẠN 2026-2030				
		NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025	NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030
A	PHẦN THU	55,800	68,291	79,832	91,900	95,368	104,645	118,510	133,240	136,124	150,257
1	Ngân sách cấp	12,650	21,100	24,200	24,574	14,900	16,500	21,600	26,700	18,800	20,400
	- KP tự chủ chi bộ máy	9,500	9,000	9,000	9,000	9,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000
	- KP KTC MGHP	0,500	0,600	0,700	0,800	0,900	1,000	1,100	1,200	1,300	1,400
	- KP NCKH	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500	0,500
	- KP KTX mua sắm, cải tạo SC	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000	3,500
	- ĐTXDCB	0,150	9,000	11,500	11,774	1,500	5,000	10,000	15,000	7,000	8,000
2	Thu học phí	33,096	36,166	44,255	53,778	65,208	71,729	78,902	86,792	95,471	105,018
3	Thu từ HĐ NCKH	1,500	2,000	0,500	0,600	0,700	0,500	0,600	0,700	1,000	1,500
4	Thu HĐ Dịch vụ	7,554	8,025	9,877	11,948	13,560	14,916	16,408	18,048	19,853	21,839
5	Thu khác	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,500

d) Phân bổ cơ cấu nguồn chi hợp lý: Chi cho con người: 50% (phần đầu đạt thu nhập bình quân từ 9÷10 triệu đồng/người/tháng); chi cho chuyên môn: 25%; chi đầu tư cơ sở vật chất: 20%; chi khác: 5%.

7.3. Giải pháp thực hiện

a) Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; phát triển các loại hình dịch vụ khoa học nhằm tăng thêm nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

b) Đẩy mạnh liên kết và hợp tác quốc tế, hợp tác với các doanh nghiệp để tìm kiếm sự hỗ trợ nguồn vốn.

c) Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý theo hướng tăng cường tính tự chủ và chịu trách nhiệm cho các đơn vị. Khảo sát nhu cầu chi quản lý hành chính, để làm cơ sở khoán chi cho các đơn vị, tiết kiệm tối đa chi phí quản lý hành chính.

d) Xây dựng đề án hợp tác công tư theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Thông tư 144/2017/TT-BTC ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2017, để khai thác tối đa hiệu quả nguồn lực của Nhà trường tại 2 cơ sở đào tạo nhằm tăng nguồn thu.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng các biện pháp thiết thực. Cân đối hợp lý cơ cấu chi cho con người, cơ sở vật chất, nghiệp vụ chuyên môn và chi khác để ổn định từng bước nâng cao đời sống, phát triển nhà trường.

e) Công khai, minh bạch tài chính theo quy định.

8. Chiến lược về người học

8.1. Mục tiêu

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ; có sức khỏe; tốt nghiệp có việc làm ổn định. Thu nhập phù hợp với năng lực công tác; có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; sống có chí hướng, lý tưởng, có ý chí khát vọng, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

8.2. Chỉ tiêu

a) 100% sinh viên được hướng dẫn về chương trình đào tạo, cách tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần và được cung cấp và được phổ biến về các quy định trong hoạt động đào tạo.

b) 100% sinh viên thuộc diện chính sách được giải quyết các chế độ chính sách theo quy định; 100% sinh viên được khám sức khỏe khi nhập trường và được chăm sóc y tế trong quá trình học tập; được sử dụng cơ sở vật chất hiện có cho các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ.

c) Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên... tổ chức từ 8-10 hoạt động/năm để tuyên truyền giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp trong sinh viên.

d) Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong giao tiếp và phục vụ người học.

đ) 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp được tư vấn, hỗ trợ giới thiệu việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

8.3. Giải pháp thực hiện

a) Đầu khóa học tổ chức phổ biến cho sinh viên về chương trình đào tạo toàn khóa, từng kỳ; hướng dẫn về cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá; các nội quy, quy chế, quy định.

b) Tạo điều kiện, hướng dẫn sinh viên thực hiện các thủ tục giải quyết các chế độ chính sách theo cơ chế một cửa. Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên: xét cấp học bổng khuyến khích học tập; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội; hỗ trợ chi phí học tập.

c) Duy trì hoạt động khám sức khỏe theo cho sinh viên theo quy định, kịp thời phát hiện mầm bệnh để gửi sinh viên lên tuyến trên điều trị.

d) Tổ chức hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia, tạo môi trường rèn luyện và đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

đ) Đổi mới hoạt động của các Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, các câu lạc bộ để đẩy mạnh công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nội quy của nhà trường.

e) Quan tâm giáo dục phẩm chất đạo đức số, lối sống số, đạo đức kết nối và chia sẻ.

f) Nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ sinh viên; áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giáo dục sinh viên: cập nhật sổ tay sinh viên điện tử lên website của nhà trường; cấp tài khoản để vào cổng thông tin học vụ.

g) Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc phù hợp với ngành nghề đào tạo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học, năm kế hoạch của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

2. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động trên cơ sở các mục tiêu, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

3. Hàng năm, tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược tại hội nghị viên chức và hội nghị tổng kết năm học, trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của từng lĩnh vực năm tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

4. Tổ chức đánh giá toàn diện chiến lược phát triển nhà trường trong năm 2026, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo./.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



T.S. Nguyễn Trọng Các